

CHIỀU KÍCH TÔN GIÁO TRONG THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI VIỆT NAM*

Một đóng góp quan trọng của ngành Nhân học với sứ mệnh truyền giáo là việc chỉ ra những khác biệt giữa chiều kích tôn giáo và chiều kích xã hội của các thiết chế văn hóa. Trước đó, nhiều giáo sỹ không biết đến những khác biệt rõ ràng này nên đã phạm vào một trong hai sai lầm khi lên án việc thờ cúng tổ tiên. Đôi khi, bị cuốn hút bởi tính tích cực về mặt đạo đức, xã hội của việc thờ cúng tổ tiên, các giáo sỹ đã không nhận thấy điều gì không ổn trong sự thờ cúng ấy. Nhưng họ thường nhận ra những yếu tố tôn giáo trong sự thờ cúng đó và lên án toàn bộ thiết chế. Thái độ trước (bị cuốn hút bởi tính tích cực...) có nguy cơ làm Kitô giáo trở nên hỗn tạp (syncretistic Christianity). Thái độ sau (nhận ra yếu tố tôn giáo trong thờ cúng tổ tiên) đôi lúc đưa tới kết quả là cả Công giáo¹ và Tin Lành đều bác bỏ khía cạnh văn hóa. Hiểu biết một cách cặn kẽ việc thờ cúng này sẽ giúp chúng ta định hướng rõ ràng các thái cực và hỗ trợ việc xác định thái độ riêng/đúng đắn của Kitô giáo về vấn đề đã gây tranh cãi trong giới giáo sỹ những thế kỷ qua².

Chủ đề của bài viết này về thờ cúng tổ tiên theo truyền thống của người Việt Nam thực sự là một bộ phận khăng khít của Hồn linh giáo, mạng lưới cơ bản của tôn giáo Việt Nam³. Nghi thức truyền thống của sự thờ cúng cho thấy đó là một tôn giáo, chính vì thế mà không tránh khỏi sự đối đầu với Kinh Thánh Kitô giáo. Điểm mấu chốt để hiểu sự thờ cúng này là cần phải hiểu niềm tin của người Việt Nam liên quan tới linh hồn.

Tôi không thể không thừa nhận các chức năng xã hội tích cực của việc thờ cúng tổ tiên. Vì vậy, tôi đã kêu gọi các giáo sỹ và các Kitô

* Bài viết này đã được đăng trên *Journal Missiology: An International Review*. Volume III, Number 2, April 1975.

Nhan đề: *The Religious Dimension of the Vietnamese Cult of the Ancestors*

hữu người Việt Nam hãy Kitô hóa chức năng đó nhằm bảo tồn những nhân tố tích cực. Nếu làm được như vậy, không lâu sau Kitô giáo sẽ không còn bị nhạo báng là “đạo bỏ ông, bỏ bà”. Tuy nhiên, mục đích của bài viết này là chỉ ra chiều kích tôn giáo của việc thờ cúng tổ tiên xung đột với đức tin Kitô giáo. Bài viết cho rằng nguồn gốc và ý nghĩa căn bản của thiết chế này là đạo đức tự nhiên.

Phân tích việc thờ cúng tổ tiên và định nghĩa về linh hồn là phức tạp vì nhiều yếu tố. Trước tiên, niềm tin này không được công nhận và không được tổ chức một cách hệ thống. Mặc dù thờ cúng tổ tiên là thiết chế thống nhất và phổ quát nhất của Hồn linh giáo của người Việt Nam (Vietnamese Animism), nhưng niềm tin cụ thể về sự thờ cúng đó không hoàn toàn được chuẩn hóa, thậm chí chỉ ở một địa phương nhất định. Niềm tin tôn giáo được cá nhân hóa tầm mức cao. Thứ hai, sự phức tạp phát sinh từ xu hướng của người Việt Nam hướng tới chủ nghĩa chiết trung và hỗn dung tôn giáo (religious eclecticism and syncretism) - khả năng khác thường đó làm cho họ có những niềm tin mâu thuẫn nhau cùng một lúc. Không có gì lạ khi thấy một người tuyên bố theo chủ nghĩa thế tục khoa học hiện đại và không thừa nhận sự tồn tại của linh hồn nhưng vẫn giữ tín ngưỡng truyền thống. Cuộc hội thoại về tôn giáo với một ông cụ người Việt Nam đã gây ấn tượng mạnh mẽ với tôi. Tôi hỏi: “Người Việt Nam có tin rằng con người có linh hồn?”, ông cụ trả lời: “Tín ngưỡng tôn giáo của chúng tôi cho rằng con người có linh hồn. Khoa học lại nói là không có. Khoa học thì đúng (ngập ngừng) nhưng con người thì có linh hồn”. Vấn đề thứ ba tôi gặp khi phỏng vấn người dân quan niệm của họ về linh hồn, tôi thường nhận được câu trả lời rằng quan niệm của họ là không rõ ràng, không chắc chắn (mơ hồ hoặc mập mờ). Tuy nhiên, khi nghiên cứu các tài liệu sẵn có và làm việc với những người cung cấp thông tin về thế giới nội tâm bí ẩn của niềm tin tôn giáo (beliefs), tôi tin người ta có thể đưa ra phân tích đúng đắn.

Tính tôn giáo của sự thờ cúng tổ tiên

1. Cú liệu ngôn ngữ

Tôn giáo truyền thống của người Việt Nam bao gồm niềm tin rằng con người có linh hồn hoặc vong hồn (soul or spirit). Điều này được

dẫn chứng từ những từ ngữ thông dụng. Linh hồn, hoặc chiều kích phi vật chất của con người, được biểu thị dưới nhiều thuật ngữ khác nhau như: linh hồn, tâm linh, tâm hồn, thần hồn, tâm thần⁴, v.v... Thành tố phức hợp của các từ này bao gồm các từ trong tiếng Anh với nghĩa như “linh hồn” (soul), “tinh thần” (spirit) and “tâm” (heart). Trong tiếng Việt, cũng như trong tiếng Anh, những từ này có thể diễn tả nguyên tắc sinh học của sự sống, bao gồm: *sự hiểu biết, cảm xúc và sự nhạy cảm* (understanding, emotion and sensibility) những điều mà con người có điểm chung với con vật; hoặc những từ có thể diễn tả nguyên tắc của *cuộc sống duy lý và bất tử* (rational and immortal life), bao gồm *lý trí, ý trí và lương tâm* (reason, will and conscience) những điều mà chỉ con người mới có theo đức tin Kitô giáo. Cũng giống như trong tiếng Anh, từ ngữ chuyên biệt được xác định bởi văn cảnh sử dụng nó. Nói chung linh hồn là bất tử (bất diệt). Khi chết, phách (the animal soul) rời cơ thể, linh hồn vẫn tồn tại và được gọi là *vong hồn* hay *vong linh*.

Vong hồn là tâm điểm trong thờ cúng tổ tiên truyền thống, trở thành đối tượng thờ cúng và tôn kính. Sự “thờ cúng” (worship), dâng cúng linh hồn tổ tiên, được diễn đạt bởi nhiều từ khác nhau như: *cúng giỗ, cúng bái, thờ kính, cúng tế, thờ cúng, thờ phượng, sùng bái, phụng sự, sùng phụng, phụng dưỡng*, v.v... Mỗi từ ghép này chuyển tải ý nghĩa của từ “thờ cúng” (worship), “cúng tế” (sacrifice) hoặc cả hai. Thuật ngữ *thờ, phượng, phụng* và *sùng* có nghĩa là “thờ cúng” hơn nữa nó hàm ý “tôn kính” (honor) và “sùng kính” (veneration). Thuật ngữ *cúng* và *tế* có nghĩa là “cúng tế” (sacrifice). Đó là những thuật ngữ phổ biến nhất được sử dụng để mô tả sự thờ cúng tổ tiên, theo đúng nguyên văn là “thờ cúng” (worship) và “cúng tế” (sacrifice). Ý nghĩa của các từ ngữ được miêu tả ở trên cho thấy linh hồn vẫn tiếp tục sống sau cái chết của cơ thể. Sự thờ cúng, cúng tế không đơn thuần là sự tưởng nhớ.

Các từ *khấn* và *cáo* được sử dụng để mô tả sự bày tỏ đặc biệt dành cho tổ tiên trong ngày giỗ, các Tiết theo âm lịch hoặc tùy theo sự việc cần kíp của mỗi gia đình. *Khấn* có nghĩa “cầu nguyện” (pray) và *cáo* có nghĩa “thông báo” (announce). Cả hai hành động cho thấy đó không phải là sự tưởng nhớ mà đó là cách dành cho vị thần.

2. Cứ liệu từ các nghi lễ truyền thống

Có nhiều nghi lễ truyền thống liên quan tới cái chết, mai táng và thờ cúng tổ tiên để góp thêm bằng chứng về niềm tin vào sự tồn tại của linh hồn và bản chất của linh hồn. Trước đây, thầy phù thủy (sorcerer) đôi khi làm công việc chiêu hồn (to raise the soul) ra khỏi cơ thể khi ai đó chết. Dùng tám vải phủ lên thi thể với niềm tin rằng làm như vậy thì linh hồn người chết không xâm nhập lại cơ thể đã chết. Một nghi lễ phổ biến khác chuẩn bị cho việc mai táng là bỏ một số hạt ngô và hạt gạo nếp vào trong miệng người quá cố. Hành động này được giải thích là sự giúp đỡ linh hồn giai đoạn ban đầu trên hành trình tới cõi âm (nether world). Một nghi lễ khác đôi khi được thực hiện là đặt con dao lên trên bụng tử thi để ngăn không cho hồn xấu bắt hồn người mới chết.

Theo truyền thống, lễ tiễn đưa thi thể từ nhà đến nơi chôn cất (lễ đưa ma) được chăm lo rất cẩn thận để đảm bảo hành trình của linh hồn không gặp cản trở nào. Thi thể được bọc kỹ trong quan tài để nó không bị xê dịch và quan tài thường được nâng trên cao khi di chuyển. Một nghi lễ phổ biến là việc rải những tờ tiền vàng hoặc bạc (vàng mã - HTBN) khi đám tang đi qua nhằm đánh lạc hướng các linh hồn xấu không để chúng làm hại hoặc lừa gạt hồn người chết.

Nơi đặt mộ được thầy phong thủy (geomancy) chọn một cách kỹ lưỡng. Vị trí và hướng đặt mộ phải hợp (Hickey 1964:38-41), bởi như thế linh hồn có thể đến đúng chỗ. Ba ngày sau lễ mai táng, một nghi lễ được gọi là “lễ mở cửa mã” (opening the door of the grave) với mục đích mời linh hồn người chết rời thi thể và trở về nhà cư trú trên bàn thờ tổ tiên nơi dành cho linh hồn. Tuy nhiên, nơi đặt mộ vẫn được coi là linh thiêng. Ngôi mộ được làm sạch với lễ dọn mã (cleaned ritually) và quét vôi trắng ít nhất mỗi năm một lần. Theo truyền thống, người Việt Nam tránh các ngôi mộ bởi họ tin rằng làm như vậy ngôi mộ bị quấy rầy, thậm chí vô tình, linh hồn người chết đi tìm trả thù người chịu trách nhiệm cho chuyện đó. Các thầy bói (soothsayers) đôi khi cũng làm phiền các ngôi mộ tổ tiên khi trong gia đình có người ốm đau hoặc gặp những điều không may.

Cũng có thể minh họa niềm tin vào linh hồn qua việc thực hành các nghi lễ xung quanh bàn thờ tổ tiên được lập tại nhà dành cho người chết. Trong ngày giỗ, một số ngày lễ tiết theo Âm lịch và khi gia đình có công việc, người ta dâng đồ lễ, thờ cúng thành kính linh hồn người chết trên bàn thờ. Việc mô tả bàn thờ tổ tiên và các nghi lễ xung quanh nó là vượt ra ngoài phạm vi bài viết này nhưng tôi mong muốn đưa ra một số minh chứng làm sáng tỏ niềm tin vào linh hồn. Bàn thờ tổ tiên làm bằng gỗ có kích cỡ bằng chiếc đàn piano được trạm khắc hoặc khảm trai, và trên nó đặt một chiếc bát được tô vẽ dùng để cắm hương. Bàn thờ tổ tiên theo truyền thống còn có bài vị (ancestral tablet). Bài vị thường được giữ trong một chiếc hộp màu đỏ và chỉ được đem ra khi làm lễ cúng tổ tiên. Các bài vị thường làm bằng gỗ khoảng 4 đến 10 inche. Trên đó ghi tên người chết, tước hiệu, tuổi tác, ngày sinh, ngày mất. Trên bài vị cũng khắc một lỗ nhỏ hoặc sơn một chấm đỏ, người ta tin rằng lỗ đó là lối ra vào của linh hồn.

Bài “văn khấn giỗ” (special ritual prayers) cúng tổ tiên được dùng trong một số dịp. Những bài văn khấn giỗ này là những lời cầu mong linh hồn người chết trở về bàn thờ nhận đồ dâng cúng. Những lời khấn chứng tỏ rằng chúng thực sự được tạo ra để cúng khấn và không chỉ là tưởng nhớ. Người khấn đọc một cách cẩn thận ngày tháng, nơi anh ta đang đứng, bao gồm: tên nước, tỉnh, huyện, làng, thôn. Sự xác định cẩn thận thời gian, địa điểm chứng tỏ mục đích hướng dẫn các linh hồn. Trong ngày Tết nguyên đán có các lễ đặc biệt như “lễ rước ông bà” và “lễ đưa ông bà”. Đó là các nghi lễ dành cho linh hồn tổ tiên.

Các nghi lễ thờ cúng tổ tiên cho thấy dường như người Việt Nam tin rằng linh hồn cần những thứ trên thế giới mà người đang sống cần cho cuộc sống. Ví dụ như thức ăn thường xuyên được dâng lên bàn thờ tổ tiên. Theo nghi lễ truyền thống một bức rèm được treo trước bàn thờ để các linh hồn có thể dùng thức ăn dâng cúng một cách riêng tư (Toan Anh, 1969: 78-79). Kể cả những thứ mà người sống cần như quần áo, nơi trú ẩn, phương tiện giao thông và sự vui chơi giải trí cũng được dâng cho linh hồn. Người ta gửi cho linh hồn bằng cách đốt những đồ đặc mô phỏng làm bằng giấy. Thường bắt gặp nhà giấy, quần áo giấy, bát đĩa giấy và gia súc giấy trên đường vận chuyển đến nơi sửa soạn

cho việc dâng cúng. Gần đây, thậm chí tôi còn nhìn thấy một chiếc xe máy Honda được làm bằng giấy đúng như kích cỡ thật tại Sài Gòn.

Mỗi quan tâm thường xuyên tới việc phụng dưỡng (welfare) các linh hồn người chết là trách nhiệm chung của các thành viên còn sống trong gia đình (Hickey, 1964: 88-91). Nguồn tài chính để thực hiện sự thờ cúng này được lấy từ đất hương hỏa (inalienable family land). Một số người, vì một lý do nào đó, không có người thờ cúng, họ có thể chuẩn bị bằng cách dâng món quà hảo tâm cho đình làng hoặc chùa. Những cơ sở thờ tự nhận món quà đó sẽ thực hiện việc thờ cúng cho linh hồn sau này.

Các linh hồn không được chăm sóc sau khi chết được cho là sẽ trở nên độc ác. Cadière (1974:17) đã viết: “Ma, quỷ (demons, devils) hầu hết là do các linh hồn bị lãng quên biến thành”. Những linh hồn cũng dễ trở thành ma quỷ như các linh hồn buộc phải dờn cơ thể do bạo lực hoặc chết bất đắc kỳ tử như bị giết hại, chết đuối hoặc tai nạn giao thông. Người ta tin rằng những linh hồn này đang rình ở quanh nơi chết chờ tìm người để trả thù. Những bàn thờ nhỏ ven đường dành cho những linh hồn chết tai nạn vẫn tồn tại cho đến nay đã chứng minh điều đó. Các ngày đặc biệt, ví dụ như ngày 7 tháng 7 Âm lịch là ngày tất cả mọi người dâng cúng các cô hồn (orphaned souls).

Niềm tin truyền thống về linh hồn

Một vấn đề về thờ cúng tổ tiên gây lúng túng cho sinh viên đó là việc “linh hồn” có thể xuất hiện tại các nơi khác nhau. Linh hồn được tôn vinh trong nghi lễ trên bàn thờ cũng như tại ngôi mộ. Nếu như linh hồn cư trú trên bàn thờ, đặc biệt là bàn thờ tổ tiên, thì tại sao lại phải mời linh hồn trở về nhà ngày giỗ hoặc Tết Nguyên đán? Hoặc nếu linh hồn cư trú trên bàn thờ, thì tại sao các linh hồn lại bức tức nếu ngôi mộ bị quấy rầy? Những vấn đề này được giải quyết nếu người ta hiểu khái niệm đa linh hồn trong tín ngưỡng truyền thống của người Việt Nam (Cadière, 1974:17 và Hickey, 1964:76). Người ta tin rằng sự sống của một con người được duy trì bởi ba *hồn* và các *vía* - cái quan trọng hơn được gọi là *hồn* (superior vital principles) và kém quan trọng được gọi là *vía* (lesser vital principles) - tương ứng với từng huyết trên cơ thể, nữ có chín vía, nam có bảy vía. Quan niệm này đã

được phát triển trong y học truyền thống của người Việt Nam để giải thích cơ thể ốm yếu hay khỏe mạnh tùy thuộc vào sự đến hoặc đi của các linh hồn. Cadière giải thích ba loại linh hồn đó là hồn thực vật (vegetative soul), hồn nhạy cảm (sensitive soul), hồn tinh thần (spiritual soul). Người ta tin rằng các linh hồn và các vía sẽ tồn tại sau khi cơ thể đã chết. Có ý kiến cho rằng linh hồn đi lang thang và việc đó thường được mô tả bằng thuật ngữ lui tới (back and forth).

Linh mục Cadière đã chỉ ra rằng: “Tổ tiên chỉ là một phần nhỏ trong đội quân linh hồn đông đảo” (Cadière, 1974: 17). Khi nói như vậy ông đã khẳng định rằng sự thờ cúng tổ tiên là một phần trong tín ngưỡng hồn linh của người Việt Nam nói chung (Vietnamese animistic belief). Tuy chỉ là một phần nhỏ nhưng tôi tin rằng linh hồn tổ tiên là rất quan trọng. *Linh hồn tổ tiên can thiệp vào đời sống trần thế thông qua sợi dây liên lạc với thế giới tâm linh bằng cách điều khiển vận may hay rủi ro trong cuộc sống.* “Người ta thờ cúng linh hồn tổ tiên với hy vọng rằng tổ tiên của họ sẽ thay mặt con cháu tác động tới thế giới tâm linh” (Hun, 1974: 25). Sau này các linh hồn tổ tiên được gắn với tín ngưỡng vật linh. Dù cho sự thờ cúng tổ tiên đã trở thành một thiết chế phát triển bậc cao với ý nghĩa quan trọng về mặt đạo đức và xã hội nhưng điều trước tiên và quan trọng nhất nó là niềm tin Hồn linh giáo (animistic religious belief).

Kết luận này đặt ra các câu hỏi liên quan tới động lực của việc thờ cúng tổ tiên. Trong khi nhìn chung người ta nhấn mạnh các yếu tố siêu trần thế, chẳng hạn lòng hiếu thảo đối với cha mẹ được xem là động lực cho việc thờ cúng tổ tiên, thì hiển nhiên từ những niềm tin và thực hành được mô tả ở trên chúng tỏ sự sợ hãi hoặc những mong muốn ích kỷ cũng có thể là động lực mạnh mẽ tương đương⁵. Ví dụ, nếu một linh hồn không được chăm sóc, nó có thể tước đi phúc lành của gia đình hoặc đem đến điều bất hạnh. Động lực của việc thờ cúng các cô hồn (abandoned or orphaned souls) trước tiên là sự sợ hãi những linh hồn này làm hại những người đang sống nếu không được thờ cúng. Sự kính trọng và tình cảm dành cho những linh hồn này hầu như không có.

Nhấn mạnh bản chất đạo lý cao cả của thờ cúng tổ tiên, một số quan sát viên suy đoán rằng điều đó là sự phát triển logic của Không

giáo nhấn mạnh lòng hiếu thảo. Có lẽ chính xác hơn khi nói Không giáo nhấn mạnh lòng hiếu thảo là thích hợp với việc thờ cúng tổ tiên và cung cấp cho nó một nền tảng triết học để nó trở nên sáng suốt hơn. Một số học giả cho rằng thờ cúng tổ tiên ở Trung Quốc có trước Không Tử (557?- 479 trước Công nguyên). Chắc chắn với Việt Nam Không giáo được truyền giảng nhưng vẫn chưa có ảnh hưởng mạnh cho đến tận đầu thời đại Kitô giáo. Một số sinh viên Việt Nam viết về chủ đề này đã trích tài liệu tham khảo sự thờ cúng tổ tiên từ truyền thuyết thời Hồng Bàng khoảng năm 2879 trước Công nguyên (Van Dung, 1974:13). Trong khi chủ đề này chưa thể khảo cứu trên tư liệu thì sự thật rõ ràng rằng việc thờ cúng tổ tiên đã phát triển từ Hồn linh giáo nguyên thủy vào thời kỳ tiền sử của Việt Nam.

Phật giáo cũng để lại dấu ấn trong niềm tin của người Việt Nam về linh hồn. Khái niệm *đầu thai* hay *luân hồi* (reincarnation) được người Việt Nam hiện đại hiểu một cách mơ hồ. Làm thế nào khái niệm đầu thai, luân hồi phù hợp với niềm tin truyền thống liên quan tới linh hồn là không rõ ràng. Một vấn đề được đặt ra là tại sao vẫn cần thiết phải tiếp tục thờ cúng linh hồn tổ tiên cho đến nhiều thế hệ sau trong khi linh hồn đó đã được tái sinh trong cơ thể khác. Xu hướng mạnh mẽ hướng tới chủ nghĩa hỗn dung tôn giáo (religious syncretism) tạo ra khả năng cho người Việt Nam đồng thời duy trì niềm tin này và cả những quan điểm xung đột khác.

Giao lưu với phương Tây, Tư duy khoa học và Chiến tranh

Dù sau nhiều năm giao lưu với Phương Tây và một thế hệ sinh ra trong chiến tranh đã dẫn tới căng thẳng nghiêm trọng cho xã hội truyền thống của Việt Nam, và đã xuất hiện sự tan rã về mặt văn hóa, nhưng tôi cho rằng những tín ngưỡng truyền thống được lưu giữ liên tục hơn nhiều so với những gì các quan sát viên nước ngoài thường nghĩ. Trong khi đó, hàng nghìn người đã được Kitô hóa và hàng nghìn người khác đã thế tục hóa, tôi tin rằng vẫn có hàng triệu người thờ cúng tổ tiên với ý nghĩa tôn giáo. Trong đó những người vẫn giữ vững niềm tin truyền thống và thực hành nghi lễ chỉ chiếm thiểu số, một bộ phận khác coi sự thờ cúng đó hoàn toàn mang ý nghĩa thế tục như lễ kỷ niệm (a secular remembrance). Đa số ở giữa hai thái cực trên, trước sức ép của hiện đại

hóa và chiến tranh, nhiều thực hành nghi lễ truyền thống bị mất đi nhưng không có nghĩa là từ bỏ tất cả tín ngưỡng truyền thống.

Sự thật là 30 năm chiến tranh tại Việt Nam đã tàn phá tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên theo nhiều cách khác nhau. Hàng trăm nghìn người Việt Nam đã buộc phải dời bỏ đất đai của tổ tiên, mồ mã, bàn thờ, số lần phải chạy trốn còn nhiều hơn những bộ quần áo trên lưng của họ. Không chỉ chiến tranh ly tán người Việt Nam khỏi các vật dụng quan trọng của sự thờ cúng này mà còn làm chao đảo đức tin của họ về khả năng các linh hồn của tổ tiên mang đến sự thịnh vượng cho cuộc sống trên trần thế. Kinh nghiệm cho thấy khoảng trống đức tin tôn giáo (religious vacuum) đã đưa người dân đến với Phúc âm (the Gospel). Tuy nhiên, trong hầu hết các trường hợp Phúc âm không phải là sự thay thế khả thi cho đức tin trước đây của họ. Các nghiên cứu nhân học chỉ ra rằng khoảng trống tâm linh tôn giáo sẽ không còn trống rỗng vô thời hạn. Thường thì các niềm tin cũ sẽ quay trở lại. Tôi đã được thấy sự tái hiện diện của các bàn thờ tổ tiên tại một trại tị nạn chỉ vài tuần sau khi người dân bị buộc phải chạy trốn.

Để cố gắng khám phá sự kiên định của đức tin truyền thống liên quan tới linh hồn, tôi đã phỏng vấn mười người Sài Gòn về chủ đề này. Bảy người trong số họ không phải là Kitô hữu; họ là người bán hàng, nội trợ, thợ cắt tóc và một người hàng xóm. Một người là tăng sỹ Phật giáo đã cải đạo theo Kitô giáo vài năm trước và hai thầy bói tại một ngôi đền nổi tiếng của địa phương nơi thờ Lê Văn Duyệt. Trừ người Kitô hữu, tất cả đều nói rằng họ vẫn thực hiện sự thờ cúng tổ tiên, mặc dù họ thờ cúng ở các mức độ khác nhau. Ba người nói rằng họ thấy lễ giỗ người đã khuất về cơ bản có chức năng xã hội là đoàn tụ gia đình để tưởng nhớ về tổ tiên. Hai người nói rằng họ nghi ngờ sự tồn tại của linh hồn bởi điều đó chưa được chứng minh. Tuy nhiên, họ vẫn duy trì việc thờ cúng tổ tiên vì đại gia đình của họ muốn làm như vậy. Họ cũng ước tính rằng có khoảng 70 tới 80 % người Việt Nam tin vào sự tồn tại linh hồn tổ tiên dù họ là người được đào tạo và có văn hóa hay không.

Tôi hơi ngạc nhiên với sự bày tỏ niềm tin của hai *thầy bói*. Trong hai cuộc phỏng vấn riêng rẽ, cả hai đều nói rằng không phải tất cả mọi người đều có linh hồn. Hầu hết mọi người chỉ để lại danh tiếng sau khi

chết và không còn gì hơn. Họ tin rằng nhìn chung các linh hồn được bảo vệ riêng, nhưng trong một số trường hợp đặc biệt linh hồn cũng được sống như người dân thường. Cả hai cho rằng những người chết do bạo lực hoặc chết oan thì linh hồn của họ trở thành *con yêu tinh* (malevolent spirits), đó là lý do tại sao người sống sợ các linh hồn này.

Cả hai thầy bói này đều tâm sự rằng họ thờ cúng tổ tiên tại nhà với lý do chính là “bảo vệ”. Được hỏi về sự hiệu nghiệm của việc thờ cúng tổ tiên của họ, một người nói rằng anh ta không biết là việc làm đó có hiệu quả hay không, nhưng khi thờ cúng tổ tiên anh ta đã được bảo vệ. Người thầy bói thứ hai nói rằng trong cuộc đời anh ta, anh đã đơn giản hóa việc thờ cúng tổ tiên trong gia đình của mình bằng cách giảm số bàn thờ từ năm xuống còn một. Mặc dù người đàn ông này thẳng thắn thừa nhận rằng việc hành nghề của mình hoàn toàn là sự lừa dối và mục đích chỉ vì tiền nhưng ông có một niềm tin sâu sắc vào sự tồn tại của *con yêu tinh* và *cô hồn* (orphaned soul).

Một người bán hàng trong khu buôn bán sầm uất tự mình họa từ trải nghiệm của mình về việc linh hồn người chết có ảnh hưởng thực sự đến cuộc sống trần thế. Ví dụ thứ nhất, linh hồn của bố anh xuất hiện khiển trách chị gái của anh vì chị thực hiện hành vi tự tử do cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Linh hồn đã tát chị ta và yêu cầu chị trở về nhà cầu cúng tổ tiên. Một ví dụ khác, một linh hồn sống trong *ngôi miếu nhỏ* (small shrine) trong sân nhà hàng xóm của mình ở Bắc Việt Nam bị cho là đã giết chết bốn đứa con của gia đình này trước khi chúng được một tuổi và thậm chí đã giết chết cả mẹ của chúng. Người bán hàng nói rằng anh đã nhìn thấy linh hồn này xuất hiện trên mái của ngôi miếu vài lần.

Bằng chứng về niềm tin sự liên lạc của linh hồn với thế giới trần thế thậm chí được xuất hiện trên báo hàng ngày. Đầu năm 1974, báo Sài Gòn đăng câu chuyện về linh hồn của một người vợ bị giết quay về tố cáo chồng mình. Một người lính ở Gia Định đã giết vợ mình nhằm mục đích chiếm tài sản thừa kế của cô ta và đã chôn xác chết tại ngôi làng nhỏ ở ngoại ô Sài Gòn. Không lâu sau đó, mẹ của người vợ bị giết từ quê ở đồng bằng sông Mekong đến chính quyền Gia Định tố cáo con rể về tội giết người. Bà thông báo rằng bằng chứng về tội giết

người được thấy trên xác chết và chỉ cho nhà chức trách chính xác nơi chôn xác chết. Một cuộc điều tra đã chứng minh lời buộc tội của bà là đúng. Bà đã giải thích rằng linh hồn của con gái đã trở về và cung cấp thông tin chi tiết. Bất kể người đọc nghĩ gì, câu chuyện kiểu thế này được đông đảo công chúng giữa Sài Gòn hiện đại tin cậy và tất nhiên cũng phù hợp với niềm tin truyền thống về linh hồn.

Tôi tin là an toàn khi kết luận rằng không phải tư tưởng khoa học, giáo dục hiện đại cũng như chiến tranh đã phá hủy niềm tin truyền thống về linh hồn như những quan sát viên đã nghĩ.

Thờ cúng tổ tiên có phải là một tôn giáo?

Các tác giả Việt Nam đôi khi chỉ ra rằng thờ cúng tổ tiên không phải là một tôn giáo. Nguyen Tan Long và Phan Canh (1970) đã đưa ra quan điểm rằng thờ cúng tổ tiên xuất phát từ *đạo đức* hơn là *tín ngưỡng* và do đó có thể không coi đó là một tôn giáo. Toan Anh (1969: 25) nói rằng thờ cúng tổ tiên không đủ điều kiện là một tôn giáo (không phải là *đạo* hay *tôn giáo*) bởi vì nó không có người sáng lập, văn bản tín điều hay tu sỹ. Một số người khác lại cho rằng nó không phải là một tôn giáo vì rõ ràng là nó cùng tồn tại với các tôn giáo khác. Tại Việt Nam, thờ cúng tổ tiên cùng tồn tại với Phật giáo và sự thờ cúng ấy cũng là một trong năm học thuyết cơ bản của đạo Cao Đài, một tôn giáo hỗn dung mới xuất hiện năm 1926. Thờ cúng tổ tiên cũng được thực hiện với một hình thức đơn giản trong giáo phái Hòa Hảo và cũng là một trong bảy học thuyết của đạo Dừa kỳ lạ (Coconut Religion), đạo này cố gắng tích hợp Kitô giáo và Phật giáo. Toan Anh cũng đã nói: thậm chí người Công giáo còn được phép thờ cúng tổ tiên⁶.

Tuy nhiên, thờ cúng tổ tiên cùng tồn tại với những tôn giáo khác vì khuynh hướng hỗn dung tôn giáo của người Việt Nam. Từ quan điểm nhân học, thờ cúng tổ tiên thực sự là một tôn giáo. Phân tách việc thờ cúng tổ tiên với các tôn giáo có liên quan ta thấy chức năng riêng thật sự của nó. Đó là, như Tillich phát biểu trong định nghĩa về chức năng của ông (dẫn theo Yang 1961: 1),

... hệ thống niềm tin, thực hành nghi lễ và các mối quan hệ có tổ chức được thiết kế để ứng phó với các vấn đề sau chót của nhân sinh như bi kịch của cái chết, đau khổ vô lý, thất vọng khó giải thích, sự

thù địch không thể kiểm soát, những điều đó đe dọa phá vỡ mối quan hệ của con người và sự minh chứng của những tín điều chống lại các chứng cứ trái ngược từ trải nghiệm thực tế.

Sự thờ cúng tổ tiên rõ ràng là phù hợp với sự phân loại ở mức tối thiểu về hành vi tôn giáo theo định nghĩa của Anthony Wallace trong công trình quan trọng: *Tôn giáo: Quan điểm nhân học* (1966) [Religion: An Anthropological View]. Thờ cúng tổ tiên bắt đầu với một tiền đề siêu nhiên (niềm tin vào linh hồn), có một địa điểm trung tâm cho sự thờ cúng (ngôi nhà của con trai cả), một tầng lữ (cụ ông cao tuổi nhất của đại gia đình hoặc trưởng tộc), các bài khấn, dâng lễ và cầu cúng, và cộng đồng - *Congregation* (gia đình tụ họp vào ngày giỗ). Thờ cúng tổ tiên theo truyền thống thậm chí có một cuốn sách thiêng hướng dẫn gia đình thờ phụng (gia phả-geneology book). Sự vĩnh cửu của việc thờ cúng này được đảm bảo bằng đất hương hỏa (inalienable family land). Qua nhiều thế kỷ, trong khi vận may của các tôn giáo ngoại nhập, như: Phật giáo, Khổng giáo, Đạo giáo, có lúc lên lúc xuống thì thờ cúng tổ tiên vẫn tồn tại để giải thích về cuộc sống hiện tại và thế giới bên kia. Về mọi phương diện, thờ cúng tổ tiên là một tôn giáo (xem: Wallace 1966: 52-87).

Cần phải làm gì khi Kitô giáo tiếp xúc với thờ cúng tổ tiên?

1. Những vấn đề gặp phải của người thờ cúng tổ tiên trên quê hương của họ

Một xu hướng tự nhiên của các nhà truyền giáo Phương Tây là dạy cho người dân thoát khỏi sự mê tín dị đoan (superstition) càng sớm càng tốt, nói cách khác là thế tục hóa họ. Bất kỳ ai cũng đều biết một vong hồn không trú ngụ trong một mảnh gỗ và các linh hồn không quay trở lại cuộc sống trên trần thế. Nhưng hãy đợi một chút! Thế giới quan của người thờ cúng tổ tiên gần với Kinh Thánh hơn là thế tục hóa triệt để họ như một số giáo sỹ đã làm. Trong Tân Ước, chúng ta gặp linh hồn ma quỷ khắp các sách Phúc Âm (Gospels) và các sách Công vụ Tông đồ (Acts). “Thứ bậc và quyền thế” (Principalities and powers) là một phần không thể tách rời của nền thần học Thánh Phaolô trong các Tín thư (Epistle). Không mấy khả quan khi nhà truyền giáo phải diễn giải khái niệm với những người thờ cúng tổ tiên

bằng ngôn ngữ tâm lý học hoặc tin tưởng sự giáo dục sẽ xóa bỏ mê tín dị đoan, nhưng nhà truyền giáo phải có khả năng chuyển tải với người cải đạo tiềm năng để giúp họ hiểu Đấng Kitô có nghĩa là gì khi Ngài nói với môn đệ của mình, “này tôi trao cho bạn sức mạnh (exousia) ... trên tất cả các sức mạnh (dunamis)” (Lk 10:19)⁷. Trong những trường hợp “linh hồn” của người chết hiện hình cho người đang sống biết (rất có thể đó là một linh hồn ác từ vương quốc của quỷ Satan giả mạo), anh ta không cần phải tư vấn bác sỹ tâm thần phân liệt hoặc các chỉ dẫn của tư tưởng khoa học, anh ta cần sức mạnh toàn năng của Đấng Kitô. Có lý để tin rằng cách tiếp cận đối diện với sức mạnh như vậy là một nhân tố then chốt đưa tới thành công của các nhà truyền giáo Công giáo và Tin Lành tại Việt Nam thời kỳ đầu⁸.

Quá trình thỏa hiệp giữa Kitô giáo và thờ cúng tổ tiên không hề dễ dàng. Kitô giáo sẽ “hoàn toàn thay thế” niềm tin vào vật linh khi sự cải đạo thực sự diễn ra (Kraemer 1947). Sự cải đạo được mô tả như một sự chuyển đổi từ bóng tối ra ánh sáng (Col 1:13, 14). Những người đã phục vụ “con người chứ không phải Đấng Tạo Hóa” sẽ thấy trong Phúc Âm “sức mạnh của Đấng Cứu Rỗi” (Rom 1:16). Mắt của họ sẽ được mở, họ sẽ từ bóng tối ra ánh sáng, từ sức mạnh của quỷ Satan đến với sức mạnh của Đức Chúa Trời” (Sứ vụ tông đồ 26: 18).

2. Cung cấp sự giảng dạy đúng đắn - chống lại sai lầm bằng sự thật

Ngày xưa có một người đàn ông được Chúa Thánh Linh (Holy Spirit) làm cho nhận thức thấy về tội lỗi của mình và anh ta nhận được ân sủng cứu chuộc của Đấng Kitô; anh thực sự trở thành một người mới (II Cor 5:17). Tuy nhiên, không thể để anh ta dừng ở ngưỡng cửa của cuộc sống mới. Anh cần được dạy về giáo lý và rửa tội (Mt 28: 18-20). Điều này cũng đúng với những người thờ cúng tổ tiên theo cách truyền thống, những người đã thể tục hóa hoàn toàn và với phần lớn những người ở giữa hai dạng người trên. Người Việt Nam có một truyền thống lâu đời về thờ cúng tổ tiên, họ sẽ cần phải được dạy dỗ cẩn thận về những điều liên quan tới linh hồn trong Kinh Thánh, bản chất của linh hồn và những gì xảy ra với linh hồn sau khi chết. Có đôi khi tôi gặp phải những khái niệm lạ ngoài Kitô giáo về thế giới tâm linh của Kitô hữu người Việt. Lý do đơn giản là thiếu sự dạy dỗ.

3. Xây dựng giá trị Kitô giáo dựa trên những giá trị tích cực của thờ cúng tổ tiên

Trong giới giáo sỹ có những người hiểu nguồn gốc và bản chất của sự thờ cúng tổ tiên truyền thống nhận thấy việc giảng dạy Phúc Âm sẽ dẫn tới sự “đổi đầu” và “thay thế” vì vậy họ sẽ phải có thái độ khiêm tốn. Họ sẽ nhận ra rằng tôn trọng và hiếu thảo với cha mẹ cũng là một điều răn trong Kinh Thánh (Ex 20:12; Eph 6:1-3). Kinh Thánh có một chương mục đẹp để kể về sự chăm sóc dẫu dằng của Thánh Joseph dành cho cha của mình (Gen 45-47). Chính Đấng Kitô lúc lâm chung đã dành sự chăm sóc đặc biệt cho mẹ của mình (Jn 19:26-27).

Từ những ví dụ trên, chúng tôi lưu ý mỗi quan tâm cho người đang sống. Tuy nhiên, cũng có một dạng danh tiếng đời đời được hứa hẹn cho người có “hậu duệ” (Ps 37: 28, 37, 38). Hình phạt tồi tệ nhất là “cắt đứt hậu thế” của một người. Một lần nữa nên lưu ý rằng cách đảm bảo có hậu duệ và “sống trên đất mãi mãi” (Ps 37: 27 - ND) là không thể chê trách (blameless) và chính đáng về mặt đạo đức (righteous) - nhưng hãy còn cơ hội khác cho giáo lý Kitô giáo. Chân lý của bản chất này phải được tìm kiếm, chú giải, phát triển dưới góc độ thần học và chia sẻ với người Việt Nam - những người mà không nghi ngờ gì sẽ có ý nghĩa đặc biệt và thật là tuyệt nếu họ có thể đóng góp điều gì đó cho nền thần học được đánh giá cao của chúng ta với những gì đã viết trong Kinh Thánh. /.

Hoàng Thị Bích Ngọc dịch.

CHÚ THÍCH:

- 1 Sự bách hại bạo lực chống lại Công giáo bắt đầu từ khi vua Minh Mạng lên ngôi (1820) một phần do sự xung đột về tôn giáo. Sắc lệnh của ông đã buộc tội người Công giáo “làm hoại thuần phong mỹ tục...” (Gheddo 1970:2).
- 2 Tại Trung Quốc, Cuộc tranh luận gay gắt về các Nghi lễ (the great Rites Controversy) diễn ra trong suốt 180 năm. Giáo sỹ nổi tiếng của Dòng Tên (Jesuit), Matteo Ricci, được ghi nhận là người khởi đầu cho vấn đề đó bởi quan điểm khoan dung đối với các tín ngưỡng và thực hành tín ngưỡng của người Trung Quốc, trong đó có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên (Xem: Latourette 1929:133-155 đã thuật lại cuộc tranh cãi). Chắc chắn rằng các Hội Truyền giáo Công giáo tại Việt Nam, nằm bên cạnh Trung Quốc, đã chịu những ảnh hưởng trực tiếp. Chúng tôi đã được đọc về Hội nghị đặc biệt về Annam (a special Council of Annam) được tổ chức năm 1682. Hội nghị đó có sự tham dự của hai giám mục và hàng trăm linh mục truyền giáo;

trong các vấn đề khác nhau được thảo luận có vấn đề thờ cúng tổ tiên. (xem bài tạp chí của Nhat Thanh với nhan đề “Tín Ngưỡng” trên tạp chí *Phương Đông*, Số 7, tháng 1 năm 1972). Giáo hội Công giáo đã khép lại quan điểm điều chỉnh để thích nghi đối với các nghi lễ bằng Sắc lệnh *Ex quo singulari* của Giáo hoàng ban hành năm 1742. Trong khi đó dưới góc độ cá nhân các giáo sỹ truyền giáo, họ không tin đó là quan điểm đúng, Giáo hội đã không thay đổi lập trường chính thức của nó cho đến tận Công đồng Vatican II.

- 3 Xem: Chương “Tôn giáo Việt Nam” trong *Phong trào Tin Lành tại Việt Nam*, luận văn thạc sỹ của Reginald E. Reimer được lưu trữ tại Trường của Hội Truyền giáo Thế giới, Viện thần học Fuller, 1972. (cũng xem Cadière, 1974).
- 4 Các từ này bị bỏ dấu trong văn bản gốc (tiếng Anh).
- 5 Điều này đã được các nhà bình luận người Việt Nam công nhận. Xem thêm: *Đề tài Sự thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam* của Đỗ Văn Dũng, luận văn tốt nghiệp Trường Thần học Báp-tít, Sài Gòn, Việt Nam, 1974, tr. 11
- 6 Về việc *thờ cúng tổ tiên*, Vatican II đã ra sắc lệnh “Đứng trước thi thể hoặc bài vị ghi tên, tuổi người quá cố, người Công giáo được phép cúi đầu và thể hiện những cử chỉ kính trọng. Trích từ Đỗ Văn Dũng (1974: 24). Làm thế nào để người Công giáo bình thường và người không Kitô giáo giải thích điều này bởi họ cho rằng nó không rõ ràng.
- 7 Thuật ngữ *Đương đầu với sức mạnh (power encounter)* đã được Tippet phát triển (Tippet 1973: 88-91, 174-175)
- 8 Điều này đã được tranh luận trong luận văn Thạc sỹ của tôi (xem chú thích số 3)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toan Ánh, 1969. *Tín ngưỡng Việt Nam I*, Sài Gòn: Hoa Đăng
2. Cadière Léopold, 1974. “*Religious Annamites et non Annamites*”[1929]. Translated and republished in *Vietnamese Religion* Saigon: Office of Missionary Information. (*Tôn giáo của người Annam và người không phải Annam*, Dịch và xuất bản trong *Tôn giáo Việt Nam*. Sài Gòn: Văn phòng thông tin truyền giáo).
3. Đỗ Văn Dũng, 1974. “*Đề tài sự thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam*”, (Undergraduate thesis, Baptist Theological Seminary, Saigon. (Luận văn tốt nghiệp, Chung viện thần học Baptist, Sài Gòn).
4. Gheddo Piero, 1970. *The Cross and the Bo Tree (Thánh giá và cây Bo)*. New York: Sheed and Ward.
5. Gerald Hickey, 1964. *Village in Viet Nam*. New Haven: Yale University Press. (*Làng Việt Nam*, Đại học Yale xuất bản).
6. Lê Hữu, 1974. “Traditional religions of Viet Nam” *Vietnamese Religion* Saigon: Office of Missionary Information. (“Các tôn giáo truyền thống của Việt Nam” *Tôn giáo Việt Nam*, Sài Gòn: Văn phòng thông tin truyền giáo).
7. Hendrich Kraemer, 1947. *The Christian Message in a Non-Christian World (Thông điệp Kitô giáo trong thế giới không Kitô giáo)*. New York: Harper & Bros.
8. Latourette K.S., 1929. *A history of Christian Missions in China*. London: Society for Promoting Christian Knowledge. (*Lịch sử sự vụ truyền giảng Kitô giáo tại Trung Quốc*, Hội thúc đẩy hiểu biết Kitô giáo).

9. Nguyễn Tấn Long và Phan Canh, 1970. *Thi ca bình dân*. Sài Gòn: Sống mới.
10. Reimer Reginald E., 1972. "The Protestant Movement in Viet Nam". M.A. Thesis. Fuller Theological Seminary, Pasadena. ("Phong trào Tin lành tại Việt Nam". Luận văn Thạc sỹ. Viện thần học Fuller, Pasadena.
11. Nhật Thanh, 1972. "Tin ngưỡng" *Phương Đông*, Số 7.
12. Tippet Alan R., 1973. *Verdict Theology in Missionary Theory*. South Pasadena: William Carey Library (2nd ed). (*Phán xét thần học trong lý thuyết truyền giáo*), Nam Pasadena: thư viện William Carey (tái bản lần 2).
13. Wallace A.F.C., 1966. *Religion: An Anthropological View (Tôn giáo: quan điểm Nhân học)*. New York: Random House.
14. Yang C.K., 1961. *Religion in Chinese Society*. Berkeley: University of California Press. (*Tôn giáo trong xã hội Trung Quốc*, Berkeley: Đại học California xuất bản).